TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-PT.
Ngày: 08 - 9 - 2023.
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Đoàn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn San và ông Nguyễn Đức Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐ-PT ngày 23/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐ-PT ngày 20/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐ-PT ngày 07/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐ-PT ngày 18/8/2023; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Đào Trọng Đ, sinh năm 1946; nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Ông Trần Đình H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn 4, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

* *Người làm chứng:*

- Ông Ngô Văn O, sinh năm 1953; nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

- Ông Trần Bá Đ, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn 8, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

- Ông Trần Duy Kh, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

- Anh Trần Văn Th, sinh năm 1972; nơi cư trú: Xóm 2, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định, vắng mặt.

* Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Đình H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 5 năm 2022 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 24 tháng 10 năm 2022, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đào Trọng Đ trình bày:

Ông có quen biết với ông Trần Đình H làm nghề buôn, bán đồ cổ từ năm 2012. Đến tháng 01/2015, ông H đến nhà ông hỏi vay số tiền 100 (Một trăm triệu đồng), mục đích để buôn bán đồ cổ, thời hạn vay 01 năm, ông đồng ý cho ông H vay tiền, thoả thuận lãi suất là 02%/tháng, trả lãi hằng tháng; ngày 18/01/2015, ông mang số tiền 100 triệu đồng xuống nhà ông H cho ông H vay, ông H tự tay viết giấy vay nợ số tiền 100 triệu đồng, tiền lãi hai bên thoả thuận bằng miệng là 02%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay nợ, ông Đ đã giao tiền trực tiếp cho ông H. Trong giấy vay tiền có chữ ký của bà Trần Thị Hằng (vợ ông H) nhưng bà Hằng chỉ là người làm chứng việc vay mượn giữa ông và ông H, không liên quan đến việc vay tiền.

Quá trình vay, ông H đã trả lãi đầy đủ cho ông theo lãi suất thoả thuận miệng là 02%/tháng (2.000.000 đồng/100.000.000 đồng tiền gốc). Khi đến hạn thanh toán tiền gốc, hai bên nhiều lần thoả thuận tiếp tục gia hạn khoản nợ gốc. Đến năm 2018, do ông H trả lãi không đầy đủ nên nhiều lần ông đi cùng ông Ngô Văn O đến nhà ông H để đòi tiền lãi. Đến ngày 18/01/2019, ông đi cùng ông Ngô Văn O đến nhà ông H để đòi nợ tiền gốc và lãi nhưng ông H không có tiền trả nên ông đã mua 01 chiếc đồng hồ côn ODO của Pháp, trị giá 50 triệu đồng của ông H để trừ vào tiền gốc là 35 triệu đồng, tiền lãi là 15 triệu đồng. Vì vậy, đến ngày 18/01/2019, ông H còn nợ ông số tiền gốc là 65 triệu đồng, lãi suất là 02%/tháng và hẹn khoảng 01 đến 02 tháng sau thì trả gốc và lãi. Tính đến tháng 10/2019, ông H trả cho ông được 04 lần tiền lãi, tổng cộng là 7.600.000 đồng, thời gian cụ thể ông không nhớ vì không ghi sổ sách theo dõi. Đến ngày 24/4/2021, ông H hẹn ông đến nhà để nhận 30 triệu đồng tiền gốc nên ông đi cùng ông O đến nhà ông H. Khi đến nhà, ông H bảo ông đưa giấy vay tiền viết từ năm 2015 để ông H viết vào giấy ông H trả thêm 30 triệu đồng tiền gốc nữa, ông H cầm giấy vay tiền vào trong nhà, sau đó đi ra bảo với ông là không có tiền trả, đồng thời nói đã đốt giấy rồi. Ông O thấy vậy mới bảo ông H viết lại giấy vay tiền khác nên ông H đã vào nhà viết lại giấy vay tiền, nội dung là ông H còn nợ ông số tiền gốc là 65.000.000 đồng, hẹn 01 đến 02 tháng sau thì trả, giấy không ghi lãi suất, ông H đã ký, ghi rõ họ tên. Khi xem thấy trong giấy ghi ngày 24/4/2021, ông không đồng ý và yêu cầu ông H viết vào giấy ngày 18/01/2019

là ngày hai bên đối trừ số tiền ông mua đồng hồ của ông H, số tiền gốc ông H còn nợ ông là 65.000.000 đồng, tiền lãi thoả thuận miệng là 02%/tháng nên ông H viết thêm vào giấy dòng chữ "ngày 18-1-2019". Từ đó cho đến nay, ông nhiều lần đòi tiền gốc và lãi nhưng ông H không trả thêm cho ông một khoản tiền nào khác. Đến năm 2022 ông đã làm đơn trình báo đến UBND xã T và Công an xã T để giải quyết. Ông Đ xác định, trong quá trình ông Đ vay nợ, nhiều lần ông mua đồng hồ cổ của ông H để trừ vào tiền lãi cho ông H, trong đó ông có mua 01 chiếc đồng hồ ODO trị giá 50 triệu đồng để trừ vào tiền gốc 35 triệu đồng và tiền lãi 15 triệu đồng nêu trên. Nay ông Đ khởi kiện, yêu cầu ông H phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 02%/tháng, đối trừ vào số tiền lãi ông H trả cho ông được tổng số tiền là 7.600.000 đồng, tương đương với 06 tháng tiền lãi, tiền lãi tính từ ngày 19/07/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Đình H trình bày:

Khoảng năm 2015, ông có vay của ông Đ số tiền 100 triệu đồng. Hai bên không thoả thuận thời hạn vay, lãi suất không ghi vào giấy vay tiền, chỉ thoả thuận bằng miệng là 02%/tháng, sau đó ông Đ đòi tiền lãi là 3.000 đồng/ngày/01 triệu đồng (09%/tháng), ông đã viết giấy vay tiền là 100 triệu đồng, không ghi thời hạn vay và lãi suất. Trong giấy vay tiền có chữ ký của vợ ông là bà Trần Thị Hằng làm chứng, ông xác định bà Hằng không biết và không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa ông và ông Đ. Khi vay, ông đã thế chấp cho ông Đ 03 chiếc đồng hồ cổ (02 chiếc đồng hồ treo tường của Pháp, 01 chiếc đồng hồ cây của Đức), trị giá 160 triệu đồng. Sau khi nhận tiền của ông Đ, ông đã chở 03 chiếc đồng hồ nêu trên đến nhà lắp đặt, bàn giao cho ông Đ. Nhưng khi bàn giao cho ông Đ, hai bên không viết giấy tờ thế chấp, bàn giao mà chỉ nói miệng với nhau. Quá trình vay, ông đã trả lãi cho ông Đ 01 tháng một lần, cứ gần cuối tháng thì ông Đ tự đến nhà ông để lấy tiền lãi. Số tiền lãi ông phải trả cho ông Đ là 9.000.000 đồng/tháng/100 triệu đồng tiền gốc. Ông trả tiền lãi cho ông Đ được khoảng hơn 01 năm thì thấy số tiền lãi hàng tháng nhiều quá, nên ông có nói chuyện với ông Đ là bán lại cho ông Đ 03 chiếc đồng hồ đã thế chấp, trừ vào số nợ gốc. Còn số tiền thừa của ông là 60 triệu đồng, ông Đ bảo lúc nào bán được đồng hồ thì mới trả nên ông nhất trí cho ông Đ nợ lại 60 triệu đồng, không tính toán lời lãi gì với số tiền này và cũng chưa đòi tiền ông Đ vì ông Đ chưa bán được đồng hồ.

Đối với giấy vay tiền đề ngày 24/4/2021, tên người vay tiền là Trần Văn H, sinh năm 1966, ông H xác định đó là chữ viết và chữ ký do ông tự viết và ký tên vào giấy vì bị ông Đ ép ông phải trả tiền lãi nên ông đã phải viết giấy nhận nợ số tiền 65 triệu đồng, đây là số tiền lãi nặng ông Đ chuyển thành số nợ, thực tế ông không còn nợ ông Đ số tiền nào. Nay ông Đ khởi kiện đòi ông khoản tiền gốc 65 triệu đồng và khoản tiền lãi, ông không chấp nhận trả ông Đ khoản tiền nêu trên vì ông không còn nợ tiền ông Đ.

Lời khai, ý kiến bằng văn bản của những người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông Ngô Văn O trình bày: Ông có mối quan hệ quen biết với ông Đ và ông H. Cách đây khoảng 05 năm, ông có nghe ông Đ nói là ông H muốn vay một số tiền của ông Đ nên ông Đ mới gọi điện cho ông hỏi về tính cách, con người của ông H thế nào, còn cụ thể việc vay mượn thế nào ông không biết. Ông xác nhận, có một lần ông và ông Đ đi chơi nhưng không nhớ cụ thể ngày, sau đó tiện đường thì vào nhà ông H, ông Đ và ông H nói chuyện gì ông không rõ vì ông ra ngoài vườn xem cây cảnh, sau đó ông thấy hai người cãi nhau, ông vào can thì ông H bảo đốt giấy rồi, ông bảo nếu đốt giấy rồi thì phải viết lại giấy cho ông Đ. Việc ông H viết và đưa giấy cho ông Đ lúc nào, nội dung giấy gì ông không biết. Ông không biết việc ông H thế chấp 03 chiếc đồng hồ cho ông Đ để vay tiền, cũng không biết việc gán nợ đồng hồ giữa ông H và ông Đ. Ông xác định nhiều lần đi chơi cùng ông Đ, sau đó tiện đường ông và ông Đ rẽ vào nhà ông H, khi vào nhà ông H, ông Đ và ông H nói chuyện thế nào ông không biết nhưng có lần khi ông chở ông Đ từ nhà ông H về, ông Đ có bê 01 chiếc đồng hồ treo tường ODO từ nhà ông H về nhà, hiện nay ông Đ đang còn treo ở nhà. Ông Đ cũng không nói chuyện gì về việc mua bán, thế chấp hay gán nợ đồng hồ giữa ông Đ với ông H.

Ông Trần Bá Đ trình bày: Ông không có quan hệ gì với ông Đ và ông H; khoảng 03 đến 04 năm trước ông có chở vật liệu xây dựng cho ông Đ, khi ngồi uống nước tại nhà ông Đ, ông nhìn thấy trong nhà ông Đ có treo chiếc đồng hồ ODO, ông hỏi ông Đ có bán đồng hồ không thì ông Đ trả lời có bán với giá khoảng 60 đến 70 triệu đồng, ông thấy đắt nên không hỏi gì thêm. Ông không biết việc vay mượn tiền cũng như việc mua bán, trao đổi đồng hồ giữa ông Đ và ông H.

Ông Trần Duy Kh trình bày: Ông là thợ sửa chữa đồng hồ ở chợ Chanh, xã Nhân Mỹ gần nhà ông Đ, có được ông Đ nhờ chỉnh sửa hộ chiếc đồng hồ quả tạ, ý kiến của ông trong đơn xin xác nhận (không ghi ngày tháng năm) của ông H, ông xác nhận ông Đ có nói"... lấy chỗ chú H là 70 triệu đồng đó là tiền lấy nợ hai con đồng hồ O Đô...". Ý kiến trong giấy cam đoan ghi ngày 19/02/2023, ông xác nhận "... tôi được anh Đ nhờ chỉnh sửa hộ cái đồng hồ quả lắc cây quả tạ và anh có nói là bắt nợ của chú H, tính giá trị của đồng hồ ấy là 75 triệu đồng...", việc vay mượn tiền, mua bán đồng hồ giữa ông Đ và ông H như thế nào ông không chứng kiến nên không biết.

Anh Trần Văn Th trình bày: Khoảng 04 đến 05 năm trước, anh có lau dầu, căn chỉnh cho ông H chiếc đồng hồ quả tạ của anh H gửi trên nhà ông Đ, ngoài ra không còn chứng kiến gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam quyết định:

Căn cứ vào các Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 463, 466, 468, 470 và 688 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Trọng Đ buộc ông Trần Đình H phải có trách nhiệm trả cho ông Đào Trọng Đ số tiền gốc là 65.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng, kể từ ngày 24/4/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 13/4/2023 là (23 tháng 19 ngày) x 65.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 12.750.183 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 77.750.183 đồng (Bẩy mươi bẩy triệu bẩy trăm năm mươi nghìn một trăm tám ba) đồng. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 17/4/2023 bị đơn ông Trần Đình H kháng cáo đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo ông Trần Đình H giữ nguyên nội dung kháng cáo và không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì mới. Ông thừa nhận năm 2015 ông có vay của ông Đ 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%, thời hạn vay 01 năm, tuy nhiên ông Đ đã lấy của ông 02 chiếc đồng hồ ODO trị giá 100.000.000 đồng để trừ vào khoản vay trên, lãi hàng tháng ông đã thanh toán đầy đủ cho ông Đ, ông không còn nợ gì ông Đ.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Đình H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS- ST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam; án phí phúc thẩm ông Trần Đình H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, nhận định của Tòa án:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình H trong thời hạn luật định. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Đào Trọng Đ vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo: Ông Trần Đình H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án, ngoài ra ông H còn đề nghị Tòa án tiến hành định giá đối với 03 chiếc đồng hồ cổ gồm (01 đồng hồ quả tạ, 01 đồng hồ J8, 01 đồng hồ ODO cổ 54).

[2.1]. Về khoản tiền vay: Ông Đ và ông H đều thừa nhận năm 2015 ông Đ có cho ông H vay 100.000.000 đồng, lãi suất chỉ thoả thuận bằng miệng là 02%/tháng, việc vay nợ có lập giấy vay tiền tuy nhiên không ghi thời hạn vay và lãi suất, có vợ ông H là bà Trần Thị Hằng ký làm chứng.

Ông H xác định chưa trả nợ gốc cho ông Đ, hàng tháng đã thanh toán lãi cho ông Đ đầy đủ, khi thanh toán hai bên không lập giấy tờ xác nhận. Ông H cho rằng ông Đ đã lấy của ông 02 chiếc đồng hồ ODO trị giá 100.000.000 đồng để trừ vào nợ gốc của khoản vay, khi giao đồng hồ cho ông Đ, ông H không lập biên bản giao nhận và cũng không lập biên bản chốt nợ, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, hiện ông H xác định không còn nợ ông Đ. Ông Đ thừa nhận ngày 18/01/2019, ông có mua của ông H 01 chiếc đồng hồ côn ODO của Pháp, trị giá 50 triệu đồng để trừ 35.000.000 đồng tiền gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi, việc mua bán đồng hồ và trừ vào tiền nợ các bên không lập giấy tờ gì, đến ngày 24/4/2021, ông H gọi ông Đ đến để trả tiếp số tiền 30.000.000 đồng, khi ông Đ và ông O đến nhà ông H, ông H bảo ông đưa giấy vay tiền để ghi trả thêm 30.000.000 đồng nhưng sau đó ông H đã đốt giấy vay tiền và không trả ông Đ khoản tiền nào, việc này có ông O là người làm chứng nên ông H phải viết lại giấy vay tiền cho ông Đ với nội dung ông H còn nợ ông Đ số tiền gốc là 65 triệu đồng hẹn 01 - 02 tháng sau thì trả và ghi ngày 24/4/2021, do ông Đ không đồng ý nên ông H viết thêm vào giấy dòng chữ *"ngày 18-1-2019"* là ngày hai bên sau khi mua đổi trừ đồng hồ thì số tiền gốc, ông H xác nhận giấy vay tiền là do ông viết và ký tên nhưng ông cho rằng việc ông viết giấy vay tiền là do ông Đ thuê xã hội đen ép ông viết.

Xét thấy: Ông H không thừa nhận việc còn nợ tiền ông Đ, tuy nhiên tại giấy vay tiền đề ngày 24/4/2021 do ông H viết và ký, ông H xác nhận còn nợ ông Đ 65.000.000 đồng tiền gốc là phù hợp với lời khai của ông Đ. Ông H cho rằng việc ông viết giấy vay tiền ngày 24/4/2021 là do ông Đ thuê xã hội đen ép ông viết. Tuy nhiên, ông H không xuất trình được căn cứ chứng minh việc đã bán cho ông Đ 02 chiếc đồng hồ để đối trừ số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và việc ông Đ thuê xã hội đen ép ông viết giấy vay tiền ngày 24/4/2021.

Ông Trần Đình H còn cho rằng khi vay tiền ông Đ bản thân ông đã thế chấp cho ông Đ 03 chiếc đồng hồ cổ gồm (01 đồng hồ quả tạ trị giá 70.000.000

đồng, 01 đồng hồ J8 côn của Pháp trị giá 20.000.000 đồng, 01 đồng hồ ODO cổ 54 máy trơn 24 trị giá 70.000.000 đồng). Tổng giá trị của 03 chiếc đồng hồ là 160.000.000 đồng, đối trừ số tiền ông vay ông Đ 100.000.000 đồng, nay ông còn được nhận lại từ ông Đ số tiền thừa 60.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông H không có yêu cầu phản tố, bản thân ông H xác định việc ông thế chấp 03 đồng hồ cho ông Đ không lập biên bản thế chấp, ông và ông Đ chỉ thoả thuận miệng với nhau, không có ai chứng kiến. Ông Đ không thừa nhận có việc thế chấp đồng hồ để vay tiền như ông H trình bày. Toà án cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương cũng không có sự việc đánh, cãi nhau giữa ông Đ và ông H, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm ông H khai đối với 03 chiếc đồng hồ ông thế chấp cho ông Đ để vay 100.000.000 đồng hiện ông đã khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác tại Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Do ông H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đình H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do vậy, cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông H phải trả cho ông Đ khoản tiền gốc còn nợ 65.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Về lãi suất: Ông Đ cho rằng hai bên thoả thuận lãi suất là 02%/tháng, thời điểm tính lãi là ngày 18/01/2019, ông H cho rằng lãi suất thoả thuận bằng miệng là 03%/tháng, sau đó ông Đ đòi tiền lãi là 3.000 đồng/ngày/01 triệu đồng (09%/tháng) nhưng ông Đ và ông H đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đây là hợp đồng vay tài sản các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự xác định lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng), thời hạn tính lãi, buộc ông H phải chịu lãi suất của số tiền 65.000.000 đồng kể từ ngày 24/4/2021(Theo giấy nhận nợ) cho đến ngày xét xử 13/4/2023 là (23 tháng 19 ngày) x 65.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 12.750.183đ và buộc ông H phải trả ông Đ số tiền lãi là 12.750.183 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[2.3]. Đối với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành định giá đối với 03 chiếc đồng hồ cổ gồm (01 đồng hồ quả tạ, 01 đồng hồ J8, 01 đồng hồ ODO cổ 54). Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc ông đã cầm cố 03 chiếc đồng hồ trên cho ông Đ để vay tiền và bản thân ông H cũng không có yêu cầu phản tố đối với nội dung trên. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm ông H không yêu cầu giải quyết đối với nội dung này nên yêu cầu này không thuộc phạm vi xem xét của cấp phúc thẩm, vì vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông H không được chấp nhận nên ông H phải chịu theo quy định.

[4]. Các quyết định khác của bán án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Đình H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Đình H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002329 ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam được đối trừ khi thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Công Đoàn